

Bản án số: 89/2018/DS-PT
Ngày: 21-6-2018
V/v: Tranh chấp quyền sở hữu tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có

- ***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Doãn Đình Quyền.

- ***Các Thẩm phán:*** Ông Văn Công Dân
Bà Lê Thị Tùng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thê – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:*** Bà Nguyễn Thị Hải Anh -
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 32/2018/TLPT-DS ngày 19/3/2018 về việc “*Tranh chấp quyền sở hữu tài sản*”.

Do bản án sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 11 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 81/2018/QĐ-PT ngày 15 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị T - Địa chỉ: Tổ 1, khối V, thị trấn P, Hện S, tỉnh Bình Định. (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Hằng N - Địa chỉ: Đường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Ông Đào Quang H - Địa chỉ: Đường A, thôn T, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt)

2.2. Ông Phan Văn V - Địa chỉ: đường Y, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3. 1. Ngân hàng A

Người được ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T1 - Phó Giám đốc Ngân hàng A - Chi nhánh Đắk Lắk - Địa chỉ: Đường Q, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

3.2. Bà Đào Thị Tuyết M - Địa chỉ: đường Y, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Phan Văn V.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đỗ Thị Hằng N trình bày:

Bà Lê Thị T và ông Đào Quang H có thỏa thuận cùng nhau để hùn tiền mua chiếc xe ô tô Kia Rio, mang biển kiểm soát 47A-13671 tại công ty trách nhiệm hữu hạn (sau đây viết tắt là TNHH) D, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Theo thỏa thuận, bà T góp vốn 250.000.000 đồng chuyển vào tài khoản của công ty TNHH D để mua xe, số tiền còn lại là ông H góp vốn. Cụ thể, bà T đã chuyển khoản vào tài khoản của công ty D số tiền 180.000.000 đồng vào ngày 25/12/2015 và ngày 30/12/2015, chuyển khoản 50.000.000 đồng vào tài khoản cá nhân của ông H vào ngày 25/12/2015, 20.000.000 đồng bà T giao tiền mặt cho ông H để mua xe, số tiền còn lại do ông H góp.

Do các bên không tiện đứng tên nên đã thống nhất nhờ ông Phan Văn V đứng tên chiếc xe trên. Lợi dụng bà T ở xa nên ông V và ông H đã thế chấp chiếc xe trên vay nợ ngân hàng A với số tiền 330.000.000 đồng mà không có sự đồng ý của bà T.

Nay bà T khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông H, ông V và bà M liên đới trả cho bà T số tiền 230.000.000 đồng bà đã góp để mua chiếc xe trên (Hiện nay, bà T chưa tìm được Giấy tờ liên quan đến việc bà T đưa 20.000.000 đồng tiền mặt cho ông H nên bà T rút yêu cầu khởi kiện buộc ông H, ông V trả số tiền 20.000.000 đồng).

Nếu ông H, ông V, bà M không trả số tiền trên, đề nghị Tòa án làm việc với Ngân hàng cho bà T được trả toàn bộ số tiền ông H, ông V, bà M đang nợ ngân hàng và đề nghị Ngân hàng xử lý chiếc xe trên, giao quyền quản lý, sử dụng, định đoạt chiếc xe trên cho bà T.

Bị đơn ông Đào Quang H trình bày:

Tôi và bà T không thỏa thuận việc mua chung chiếc xe Kia Rio biển kiểm soát 47A-13671, khi mua chiếc xe này ông V là người mua không có tiền nên tôi có mượn số tiền 180.000.000 đồng của bà T để mua chiếc xe này, khi mượn tiền bà T chuyển tiền vào tài khoản tại công ty TNHH D để trả tiền mua xe.

Nay bà T khởi kiện cho rằng chiếc xe trên là có phần quyền sở hữu của bà T thì tôi không đồng ý, quan hệ này là quan hệ vay mượn giữa tôi và bà T nên tôi có trách nhiệm trả cho bà T số tiền 180.000.000 đồng. Ngoài ra tôi có mượn tiền của bà T số tiền 50.000.000 đồng bà T chuyển khoản cho tôi.

Liên quan đến giấy ghi xác nhận của ông V cho rằng đứng tên dùm xe ô tô 47A-13671 xác định chiếc xe này là của tôi và bà T thì tôi hoàn toàn không biết sự thỏa thuận này.

Nay bà T khởi kiện buộc tôi và ông V trả số tiền 230.000.000 đồng là phần quyền sở hữu tài sản là chiếc xe ô tô Kia Rio, mang biển kiểm soát 47A-13671 cho bà T tương đương số tiền mà bà T đã bỏ ra để mua, tôi không đồng ý vì xe này đứng tên anh V và anh V đã thế chấp vay ngân hàng A, vay số tiền 330.000.000 đồng.

Bị đơn ông Phan Văn V trình bày:

Ngày 11/01/2016 tôi có mua chiếc xe ô tô Kia Rio của công ty TNHH D với số tiền 543.000.000 đồng, tôi đã được Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên tôi, khi mua tôi không đủ tiền nên có mượn ông Đào Quang H số tiền 180.000.000 đồng để trả cho công ty TNHH D.

Tôi xác định tôi có 230.000.000 đồng mua xe, còn lại vay ngân hàng thế chấp xe. Trong đó tiền vay của H là 180.000.000 đồng, số tiền này tôi đã trả cho H trong năm 2017, khi trả cho H thì không có chứng từ gì, số tiền còn lại là 50.000.000 đồng của tôi thanh toán bằng tiền mặt cho công ty D, khi trả tiền mặt cho công ty D thì không có chứng từ gì mà công ty chỉ xuất hóa đơn giá trị gia tăng ngày 31/12/2015.

Về số tiền mà bà T chuyển cho công ty D, ngày 25/12/2015 chuyển 50.000.000 đồng và ngày 30/12/2015 chuyển 130.000.000 đồng, tôi không biết chuyển vào việc gì, tôi không chịu trách nhiệm về khoản tiền này.

Tôi xác định chiếc xe này là của tôi, không liên quan đến ông H và bà T. Chiếc xe này tôi đang thế chấp ở Ngân hàng A, chi nhánh Đắk Lắk để vay số tiền 330.000.000 đồng.

Nay bà T khởi kiện tranh chấp phần quyền sở hữu tài sản là chiếc xe Kia Rio do tôi đứng tên chủ sở hữu tôi không đồng ý, xe này không phải của bà T. Với yêu cầu buộc tôi, vợ tôi và ông H liên đới trả cho bà T số tiền 230.000.000 đồng bà đã góp để mua chiếc xe trên tôi không đồng ý.

Người đại diện của ngân hàng A trình bày:

Ngày 12/01/2016 ngân hàng A có ký hợp đồng tín dụng với ông Phan Văn V và bà Đào Thị Tuyết M hợp đồng số X0125/12/2016/HĐTD-ĐL về việc ngân hàng cho ông V và bà M vay số tiền 330.000.000 đồng mục đích mua xe ô tô để phục vụ kinh doanh chăm sóc cà phê tiêu, thời hạn vay 60 tháng (từ 12/01/2016 đến 12/01/2021), lãi suất cho vay năm đầu là 08%/năm, sau đó tăng dần theo biên độ 3,5%/năm.

Khi vay ông V và bà M có thế chấp cho ngân hàng A một chiếc xe ô tô Kia biển kiểm soát 47A-136.71 được Phòng cảnh sát giao thông tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 11/01/2016, hợp đồng thế chấp số X0089/2016/HĐTC-ĐL ngày 12/01/2016 được Văn phòng công chứng Tây Nguyên chứng nhận ngày 12/01/2016 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng.

Thực hiện khoản vay này ông V và bà M đã trả cho ngân hàng số tiền gốc là 93.500.000 đồng, lãi 36.510.000 đồng, còn nợ lại gốc là 237.800.000 đồng.

Nay bà Lê Thị T tranh chấp cho rằng chiếc xe trên là phần quyền sở hữu của bà T thì chúng tôi không đồng ý vì chiếc xe trên đứng tên ông Phan Văn V và Ngân hàng A nhận thế chấp hợp pháp. Đây là tranh chấp giữa bà T và ông V, ông H, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị Tuyết M trình bày

Tôi là vợ ông Phan Văn V. Vào ngày 11/01/2016 chồng tôi là ông Phan Văn V có mua chiếc Kia Rio của công ty TNHH D với số tiền 543.000.000 đồng. Sau khi mua xe có vay tiền ngân hàng 330.000.000 đồng để mua. Chiếc xe trên đã được Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên ông Phan Văn V là tài sản chung của vợ chồng tôi. Tôi chỉ biết vay mượn tiền của ngân hàng, về số tiền 180.000.000 đồng bà T chuyển tiền vào công ty TNHH D thanh toán tiền mua xe tôi hoàn toàn không biết, và việc ông Đào Quang H vay mượn của ai, vay bao nhiêu thì tôi không biết.

Tại bản án sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 11/01/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 164, Điều 171, Điều 559, Điều 600 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lê Thị T.

Buộc ông Phan Văn V và bà Đào Thị Tuyết M liên đới chịu trách nhiệm trả cho bà Lê Thị T số tiền 180.000.000 đồng.

Buộc ông Đào Quang H trả cho bà Lê Thị T số tiền 50.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên tiền án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/01/2018, bị đơn ông Phan Văn V có đơn kháng cáo toàn bộ bản án số 01/2018/DS-ST ngày 11/01/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm: Những người tiến hành tố tụng, các đương sự đã chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên chấp nhận nội dung khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên kháng cáo của bị đơn không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số

01/2018/DS-ST ngày 11 tháng 01 năm 2018 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ ý kiến của Kiểm sát viên và của các đương sự.

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn được nộp trong hạn luật định và đã đóng tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ. Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là phù hợp. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo; Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung: Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/4/2017, nguyên đơn bà Lê Thị T khởi kiện ông Đào Quang H và ông Phan Văn V yêu cầu tòa án: Công nhận phần quyền sở hữu của bà đối với chiếc xe ô tô hiệu Kia Rio biển kiểm soát 47A-13671, được Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Đắk Lắk cấp cho ông Phan Văn V ngày 11/01/2016 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 014554. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án và xác định quan hệ tranh chấp là: “Tranh chấp quyền sở hữu tài sản” là đúng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, do chiếc xe trên hiện đang thế chấp tại Ngân hàng A – Chi nhánh Đắk Lắk nên bà T đã thay đổi nội dung khởi kiện yêu cầu ông H, ông V và bà M có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền 230.000.000 đồng mà bà góp mua xe. (Bút lục 63, 63a). Tòa án xác định quan hệ vay tài sản và giải quyết trong vụ án này là phù hợp.

[3] Đối với số tiền 180.000.000 đồng mà bà T yêu cầu ông V và bà M có nghĩa vụ liên đới trả cho bà do bà góp mua chiếc xe trên, HĐXX thấy rằng: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Vào ngày 25/12/2015 và ngày 30/12/2015, bà T chuyển số tiền 180.000.000 đồng vào tài khoản công ty TNHH D và được công ty TNHH D xác nhận số tiền trên được chuyển vào tài khoản công ty để trả tiền mua xe ô tô Kia Rio do ông Phan Văn V đứng tên (BL số 42, 87). Như vậy, có căn cứ khẳng định nguồn tiền mua chiếc xe trên có phần của bà T với số tiền 180.000.000 đồng. Việc ông V cho rằng không quen biết bà T và không rõ vì sao bà T chuyển tiền vào công ty TNHH D là không có căn cứ, thiếu thuyết phục. Ông V khẳng định số tiền 180.000.000 đồng trên là ông mượn của ông H. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, lời khai của ông H và ông V có nhiều mâu thuẫn với nhau về số tiền ông V mượn của ông H (thể hiện ở các bút lục: 21, 56, 57, 62), do vậy, không thể xác định số tiền 180.000.000 đồng do bà T chuyển đến công ty TNHH D là của ông H mượn của bà T để chuyển cho ông V. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông V, bà M có trách nhiệm liên đới trả cho bà T số tiền 180.000.000 đồng là phù hợp.

[4. Đối với số tiền 50.000.000 đồng đồng mà bà T yêu cầu ông H có nghĩa vụ trả cho bà, HĐXX thấy rằng: Ngày 25/12/2015 bà Lê Thị T có chuyển vào tài khoản Ngân hàng Đông Á của ông Đào Quang H số tiền 50.000.000 đồng (BL số 82, 83). Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H cũng T nhận có sự việc trên. Do vậy, Tòa

án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông H có trách nhiệm trả cho bà T số tiền 50.000.000 đồng là phù hợp.

[5] Ngày 19/12/2017, bà T cung cấp cho Tòa án 01 Giấy do ông Phan Văn V xác nhận là người đứng tên hộ. Thời điểm lập giấy là ngày 17.03.2017. Quá trình làm việc tại Tòa án cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, ông V T nhận chữ ký trong giấy xác nhận do ông ký nhưng tại thời điểm đó do ông say rượu nên không rõ nội dung là không có cơ sở. Bởi lẽ, ông V là người đầy đủ năng lực hành vi dân sự để nhận thức và chịu trách nhiệm về các hành vi của mình. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, bà T đã thay đổi nội dung khởi kiện nên việc thỏa thuận về đứng tên hộ, tòa án không đề cập giải quyết.

[6] Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phan Văn V, cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Phan Văn V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 164, Điều 171, Điều 559, Điều 600 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Phan Văn V. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 11/01/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T. Buộc ông ông Phan Văn V và bà Đào Thị Tuyết M có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị T số tiền 180.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi triệu đồng*).

Buộc ông ông Đào Quang H có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị T số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phan Văn V và bà Đào Thị Tuyết M phải chịu 9.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Đào Quang H phải chịu 2.500.000 đồng. Hoàn trả cho bà Lê Thị T số tiền 6.250.000 đồng tạm ứng án phí mà bà đã nộp (ông Trần Đạt nộp thay) theo biên lai số AA/2016/0000312 ngày 26/4/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Án phí dân sự phúc thẩm: ông Phan Văn V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà ông đã nộp (bà Đào Thị Tuyết M nộp thay) tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số AA/2017/0003147 ngày 26/01/2018.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND thành phố Buôn Ma Thuột;
- CC THADS tp B;
- Các đương sự;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Doãn Đình Quyền